

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

Số: 594 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính
trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý và
thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-BTNMT ngày 14/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Quyết định số 1240/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 43/TTr-TNMT ngày 06 tháng 02 năm 2024 và ý kiến của các Thành viên UBND tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường (Có danh mục thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Giao Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công xây dựng đề phê duyệt quy trình giải quyết thủ tục hành chính chi tiết đáp ứng yêu cầu tiêu chuẩn hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 để tin học hóa việc giải quyết thủ tục hành chính.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các nội dung sau:

Thay thế thủ tục hành chính đã được công bố tại mục II phần B và mục II phần C thuộc Danh mục thủ tục hành chính kèm theo Quyết định 3430/QĐ-UBND ngày 04/9/2018; Số thứ tự 2 và 3 thuộc mục I phần A Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 3986/QĐ-UBND ngày 22/10/2020; Phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 572/QĐ-UBND ngày 04/3/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính thay thế; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực môi trường thuộc phạm vi, chức năng quản lý và thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Ninh.

Điều 4: Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ninh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- V0, V1-V3, KSTT1-4, MT;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KSTT1.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Cao Tường Huy

PHỤ LỤC


DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ VÀ THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Quyết định số: 594 /QĐ-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh)


A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

TT	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
1	Thủ tục Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	40	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	<p>Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mức phí thẩm định báo cáo ĐTM: + Dự án ≤ 50 tỷ VNĐ: 5.000.000 đồng/hồ sơ. + Dự án >50 tỷ VNĐ và ≤ 100 tỷ VNĐ: 6.000.000 đồng/hồ sơ. + Dự án >100 tỷ VNĐ và ≤ 200 tỷ VNĐ: 10.800.000 đồng/hồ sơ. + Dự án >200 tỷ VNĐ và ≤ 500 tỷ VNĐ: 12.000.000 đồng/hồ sơ. + Dự án >500 tỷ VNĐ: 15.600.000 đồng/hồ sơ. - Mức phí thẩm định lại báo cáo trong trường hợp không được thông qua bằng ½ số phí thẩm định lần 1. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường . 	x	x		x


TT	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Cơ sở pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
2	Thủ tục Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức thu phí thẩm định phương án CPM: 4.000.000 đồng/phương án.	- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010; - Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. - Nghị quyết số 62/2017/NQ-HĐND ngày 07/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh	x	x		x
3	Thủ tục Cấp Giấy phép môi trường								
3.1	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc Khoản 3 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường và Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: 9.200.000 đồng/dự án/cơ sở.	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;	x	x	x	


TT	 Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến		
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần	
						- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường . - Nghị quyết số 92/2022/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh				
3.2	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc Khoản 3 Điều 41, Khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ Môi trường và không thuộc Khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp giấy phép môi trường: 9.200.000 đồng/dự án/cơ sở	- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường .	x	x		x	

TT	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
4	Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường	10	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Không quy định	- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ;	x	x	x	
5	Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	15		Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: 1.400.000 đồng/dự án/cơ sở	- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường .	x	x	x	
6	Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường								

TT	 Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
6.1	Trường hợp cơ sở hết hạn Giấy phép và Trường hợp khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, CCN có thay đổi so với nội dung GP đã cấp theo quy định tại Khoản 3, Điều 41 của Luật Bảo vệ Môi trường và điểm a và c, khoản 4, Điều 30 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	20	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường: 9.200.000 đồng/dự án/cơ sở.	- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	x		x
6.2	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tập trung, CCN có thay đổi so với nội dung Giấy phép theo quy định tại Khoản 3, Điều 41 Luật BVMT, điểm b và d, khoản 4, Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường: 9.200.000 đồng/dự án/cơ sở	- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	x		x

TT	Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
6.3	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở, khu sản xuất kinh doanh, dịch vụ, CCN có thay đổi nội dung so với Giấy phép đã cấp theo quy định tại Khoản 3, Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường; điểm b và d, khoản 4, Điều 30; khoản 6, Điều 30 và khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.	15	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh. Mức phí thẩm định cấp lại giấy phép môi trường: 9.200.000 đồng/dự án/cơ sở	- Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020; - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.	x	x	x	
7	Thủ tục Cấp giấy phép trao đổi, mua, bán, tặng cho, thuê, lưu giữ, vận chuyển mẫu vật của loài thuộc danh mục loài ưu tiên bảo vệ								
7.1	Trường hợp cá nhân/tổ chức có chứng nhận đảm bảo điều kiện an toàn trong quá trình lưu giữ, vận chuyển mẫu hoặc không có địa điểm, phương tiện lưu giữ, vận chuyển, đã hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng, chứng nhận đảm bảo	23	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.	x	x		x

TT	 Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết <i>(Ngày)</i>	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí <i>(VNĐ)</i>	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
	điều kiện an toàn để lưu giữ, vận chuyển mẫu: Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thẩm định (không thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành)								
7.2	Trường hợp tổ chức/ cá nhân có địa điểm lưu giữ, phương tiện, địa điểm vận chuyển: Sở Tài nguyên và Môi trường thành lập Đoàn Kiểm tra liên ngành để tổ chức thẩm định.	25	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 160/2013/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Tiêu chí xác định loài và chế độ quản lý loài thuộc Danh mục loài nguy, cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ. 	x	x		x

TT	 Lĩnh vực/ Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
8	Thủ tục Cấp Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học	30	Trung tâm Phục vụ hành chính công Tỉnh	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 của Quốc hội; - Nghị định số 65/2010/NĐ-CP ngày 11/6/2010 của CP; - Thông tư số 25/2016/TT-BTNMT ngày 22/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. 	x	x		x


B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP HUYỆN

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ Bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
1	Thủ tục Cấp Giấy phép môi trường								
1.1	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường và thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	15	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Mức phí thẩm định cấp GPMT: 5.600.000 đồng/dự án/cơ sở	- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi.	x	x	x	
1.2	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở thuộc khoản 4 Điều 41, Khoản 4 Điều 43 Luật Bảo vệ Môi trường và không thuộc khoản 8 Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	30		Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Mức phí thẩm định cấp GPMT: 5.600.000 đồng/dự án/cơ sở		x	x		x
2	Thủ tục Cấp đổi giấy phép môi trường	10	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Không quy định	Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi.	x	x	x	
3	Thủ tục Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	12		Không quy định		x	x	x	

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ Bưu chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Tiếp nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
4	Thủ tục Cấp lại giấy phép môi trường								
4.1	Trường hợp cơ sở hết hạn giấy phép theo quy định tại khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và điểm a và điểm c, khoản 4, Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	20	Trung tâm hành chính công cấp huyện	Theo quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh Mức phí thẩm định cấp lại GPMT: 5.600.000 đồng/dự án/cơ sở	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi. 	x	x		x
4.2	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã cấp theo quy định tại khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, điểm b và d, khoản 4, Điều 30 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	30				x	x		x
4.3	Trường hợp dự án đầu tư, cơ sở có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã cấp theo quy định tại khoản 4, Điều 41 Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020, điểm b và d, khoản 4, Điều 30 và khoản 8, Điều 29 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ	15				x	x	x	

C. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

TT	Lĩnh vực/Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết (Ngày)	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (VNĐ)	Căn cứ pháp lý	Thực hiện qua dịch vụ Bru chính công ích		Mức độ dịch vụ công trực tuyến	
						Nhận hồ sơ	Trả kết quả	Toàn trình	Một phần
1	Thủ tục Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	15	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường; - Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;	x	x		x
2	Thủ tục Xác nhận hợp đồng tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích	03 ngày làm việc ¹	Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả tại UBND cấp xã	Không quy định	- Luật Đa dạng sinh học năm 2008; - Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen; - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường.	x	x		x

¹ Theo thời gian quy định tại Khoản 3 Điều 11 NĐ số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ và Quyết định công bố TTHC số 1240/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.